

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, HCM, VN

VP GD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, HCM, VN

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Đại Mỗ, TP. HN, VN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0001-10/25-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ DINH CỐ (GPP)
Địa chỉ : Tỉnh lộ 44, Xã Long Điền, Thành phố Hồ Chí Minh
Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu tại Suối Tre, tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000): X = 1156838,00; Y = 441486,00
Ngày lấy mẫu : 29/09/2025

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B) K _q =0,9; K _f =1,0	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a)	-	6,29	2 ÷ 12	5,5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2	Nhiệt độ ^(a)	°C	28,0	4 ÷ 55	40	SMEWW 2550B:2017
3	Độ màu ^(a)	Pt-Co	27	0 ÷ 500	150	HD-QT-19
4	Clo dư ^(a)	mg/L	0	0 ÷ 5,0	2	SMEWW 4500-Cl:2017
5	TSS ^(a)	mg/L	17,0	4,0	90	TCVN 6625:2000
6	COD ^(a)	mg/L	132	3,0	135	SMEWW 5220C:2017
7	BOD ₅ ^(a)	mg/L	44,4	1,0	45	SMEWW 5210B:2017
8	Tổng N ^(a)	mg/L	KPH	2,0	36	TCVN 6638:2000
9	Tổng P ^(a)	mg/L	0,077	0,03	5,4	SMEWW 4500-P.B&E:2017
10	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a)	mg/L	KPH	1,0	9	TCVN 5988:1995
11	Tổng Phenol ^(a)	mg/L	KPH	0,001	0,45	TCVN 6216:1996
12	CN ^{-(a)}	mg/L	KPH	0,002	0,09	TCVN 6181:1996
13	F ^{-(a)}	mg/L	KPH	0,2	9	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2017
14	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(a)	mg/L	3,25	0,3	9	SMEWW 5520B&F:2017
15	Sắt (Fe) ^(a)	mg/L	0,318	0,05	4,5	SMEWW 3500-Fe.B:2017
16	Crom VI (Cr ⁶⁺) ^(a)	mg/L	KPH	0,003	0,09	SMEWW 3500-Cr.B:2017
17	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.400	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
18	DO ^(a)	mg/L	5,3	0 ÷ 16	-	TCVN 7325:2016
19	Asen (As) ^(b)	mg/L	KPH	0,0003	0,1	SMEWW 3114C:2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, HCM, VN

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, HCM, VN

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Đại Mỗ, TP. HN, VN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0001-10/25-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B) Kq=0,9; Kf=1,0	Phương pháp phân tích
20	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	KPH	0,03	2	SMEWW 3030A&K SMEWW 3111B:2023
21	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	KPH	0,0015	0,45	SMEWW 3113B:2023
22	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	0,031	0,02	2,7	SMEWW 3111B:2023
23	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	KPH	0,0002	0,09	SMEWW 3111B:2023
24	Cr ^(b)	mg/L	0,003	0,004	-	SMEWW 3113B:2023
25	Crom III (Cr ³⁺) ^(b)	mg/L	KPH	0,004	0,9	SMEWW 3113B: 2023 & SMEWW 3500.Cr.B: 2023
26	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	KPH	0,0003	0,009	SMEWW 3112B:2023
27	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	0,001	0,02	0,45	SMEWW 3113B:2023
28	Mangan (Mn) ^(b)	mg/L	0,032	0,03	0,9	SMEWW 3111B:2023

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

^(a): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty CP An Toàn – Sức Khỏe – Môi Trường Nam Việt, Vimcerts 314)

^(b): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty Cổ phần Dịch vụ Sắc ký Sài Gòn, Vimcerts 330)

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Mỹ Trang



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, HCM, VN

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, HCM, VN

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Đại Mỗ, TP. HN, VN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0001-10/25-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ DINH CỐ (GPP)
Địa chỉ : Tỉnh lộ 44, Xã Long Điền, Thành phố Hồ Chí Minh
Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000): X = 1155949; Y = 440972
Ngày lấy mẫu : 29/09/2025

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,0	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (28,5 ⁰ C)	-	7,00	2 ÷ 12	5,5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2	TSS ^(a)	mg/L	19,0	4,0	100	TCVN 6625:2000
3	BOD ₅ ^(a)	mg/L	4,80	1,0	50	SMEWW 5210B:2017
4	TDS ^(a)	mg/L	55	0 ÷ 1.999	1.000	HD-QT-16
5	S ²⁻ (a)	mg/L	KPH	0,07	4	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a)	mg/L	KPH	1,0	10	TCVN 5988:1995
7	NO ₃ ⁻ (tính theo N) ^(a)	mg/L	KPH	0,12	50	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	PO ₄ ³⁻ (tính theo P) ^(a)	mg/L	KPH	0,03	10	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,850	0,3	20	SMEWW 5520B&F:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	10	SMEWW 5540B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100ml	2.200	2	5.000	SMEWW 9221.B:2017

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

^(a): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty CP An Toàn – Sức Khỏe – Môi Trường Nam Việt, Vincerts 314)

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Mỹ Trang



Nguyễn Hữu Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, HCM, VN

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, HCM, VN

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Đại Mỗ, TP. HN, VN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0001-10/25-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ DINH CỐ (GPP)
Địa chỉ : Tỉnh lộ 44, Xã Long Điền, Thành phố Hồ Chí Minh
Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra tại Nam Côn Sơn Terminal (X: 1156389; Y: 441721)
Ngày lấy mẫu : 29/09/2025

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) (Kq=0,9; Kf=1,0)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a)	-	6,65	2 ÷ 12	5,5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2	Nhiệt độ ^(a)	°C	28,8	4 ÷ 55	40	SMEWW 2550B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	26,0	4,0	90	TCVN 6625:2000
4	BOD ₅ ^(a)	mg/L	35,4	1,0	45	SMEWW 5210B:2017
5	Tổng N ^(a)	mg/L	KPH	2,0	36	TCVN 6638:2000
6	Tổng P ^(a)	mg/L	0,091	0,03	5,4	SMEWW 4500-P.B&E:2017
7	Fe ^(a)	mg/L	0,170	0,2	9	SMEWW 3500-Fe.B:2017
8	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(a)	mg/L	2,85	0,3	9	SMEWW 5520B&F:2017
9	Coliform ^(a)	MPN /100mL	790	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
10	DO ^(a)	mg/L	6,9	0 ÷ 16	-	TCVN 7325:2016
11	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	KPH	0,0015	0,45	SMEWW 3111B:2023
12	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	0,063	0,02	2,7	SMEWW 3111B:2023
13	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	KPH	0,0002	0,09	SMEWW 3111B:2023
14	Cr ^(b)	mg/L	0,002	0,004	-	SMEWW 3111B:2023
15	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	KPH	0,001	0,009	SMEWW 3112B:2023
16	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	KPH	0,001	0,45	SMEWW 3111B:2023
17	Mangan (Mn) ^(b)	mg/L	0,036	0,03	0,9	SMEWW 3111B:2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, HCM, VN

VP GD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, HCM, VN

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Đại Mỗ, TP. HN, VN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0001-10/25-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2025

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(a): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty CP An Toàn – Sức Khỏe – Môi Trường Nam Việt, Vimecerts 314)

(b): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty Cổ phần Dịch vụ Sắc ký Sài Gòn, Vimecerts 330)

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Mỹ Trang



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, HCM, VN

VP GD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, HCM, VN

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Đại Mỗ, TP. HN, VN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0001-10/25-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên Công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ DINH CỐ (GPP)
Địa chỉ : Tỉnh lộ 44, Xã Long Điền, Thành phố Hồ Chí Minh
Loại mẫu : NM1 - Nước mặt cách điểm xả nước thải vào nguồn nước 50m về phía hạ nguồn (X: 1156366, Y: 441372)
Ngày lấy mẫu : 29/09/2025
NM2 - Nước mặt tại điểm tiếp giáp giữa suối Tre và nhánh sông Cửa Lấp (X: 1156160; Y: 440607)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 08: 2023/BTNMT (Bảng 2)		Phương pháp phân tích
			MN1	NM2		Mức C	Mức D	
1	pH ^(a)	-	6,39 (27,3°C)	6,50 (27,7°C)	2 ÷ 12	6,0 ÷ 8,5	< 6,0 hoặc > 8,5	TCVN 6492:2011
2	DO ^(a)	mg/L	4,12	4,17	0 ÷ 16	≥ 4,0	≥ 2,0	TCVN 7325:2016
3	TSS ^(a)	mg/L	24,0	25,0	4,0	> 100 và không có rác nổi	> 100 và có rác nổi	TCVN 6625:200
4	COD ^(a)	mg/L	80,5	201	3,0	≤ 20	> 20	SMEWW 5220C:2017
5	BOD ₅ ^(a)	mg/L	42,4	81,5	1,0	≤ 10	> 10	SMEWW 5210B:2017
6	Cr ⁶⁺ ^(b)	mg/L	KPH	KPH	0,003	0,01 ^(d)	0,01 ^(d)	SMEWW 3500-Cr.B:2017
7	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	0,115	0,103	0,05	0,5 ^(d)	0,5 ^(d)	SMEWW 3500-Fe.B:2017
8	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	KPH	KPH	0,02	-	-	TCVN 6002:1995
9	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a)	mg/L	KPH	KPH	0,07	0,3 ^(d)	0,3 ^(d)	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
10	Cl ⁻ ^(a)	mg/L	9.182	9.607	5,0	250 ^(d)	250 ^(d)	TCVN 6194:1996
11	F ⁻ ^(a)	mg/L	0,675	0,720	0,2	1 ^(d)	1 ^(d)	SMEWW 4500-F.B&D:2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, HCM, VN

VP GD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, HCM, VN

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Đại Mỗ, TP. HN, VN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0001-10/25-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 08: 2023/BTNMT (Bảng 2)		Phương pháp phân tích
			MN1	NM2		Mức C	Mức D	
12	NO ₂ ⁻ (tính theo N) ^(a)	mg/L	KPH	KPH	0,01	0,05 ^(d)	0,05 ^(d)	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017
13	NO ₃ ⁻ (tính theo N) ^(a)	mg/L	0,852	0,883	0,03	-	-	TCVN 6180:1996
14	PO ₄ ³⁻ (tính theo P) ^(a)	mg/L	0,276	0,317	0,03	-	-	SMEWW 4500-P.E:2017
15	CN ⁻ (a)	mg/L	KPH	KPH	0,002	0,01 ^(d)	0,01 ^(d)	TCVN 6181:1996
16	Tổng Phenol ^(a)	mg/L	KPH	KPH	0,001	0,005 ^(d)	0,005 ^(d)	TCVN 6216:1996
17	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	0,640	1,12	0,03	0,1 ^(d)	0,1 ^(d)	SMEWW 5540B&C:2017
18	Tổng dầu, mỡ ^(a)	mg/L	KPH	KPH	0,3	5,0 ^(d)	5,0 ^(d)	SMEWW 5520B:2017
19	<i>E.coli</i> ^(a)	MPN/100mL	130	110	2	20 ^(d)	20 ^(d)	SMEWW 9221G:2017
20	<i>Coliform</i> ^(a)	MPN/100mL	700	410	2	≤ 7.500	> 7.500	SMEWW 9221B:2017
21	Tổng cacbon hữu cơ (TOC) ^(b)	mg/L	3,95	4,09	0,3	≤ 8	> 8	SMEWW 5310B&C:2023
22	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	KPH	KPH	0,03	0,1 ^(d)	0,1 ^(d)	SMEWW 3111B:2023
23	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	KPH	KPH	0,0015	0,02 ^(d)	0,02 ^(d)	SMEWW 3113B:2023
24	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	0,072	0,041	0,020	0,5 ^(d)	0,5 ^(d)	SMEWW 3113B:2023
25	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	KPH	KPH	0,0002	0,005 ^(d)	0,005 ^(d)	SMEWW 3113B:2023
26	Tổng số Crom (Cr) ^(b)	mg/L	0,017	0,009	0,002	0,05 ^(d)	0,05 ^(d)	SMEWW 3113B:2023
27	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	KPH	KPH	0,001	0,1 ^(d)	0,1 ^(d)	SMEWW 3113B:2023
28	Asen (As) ^(b)	mg/L	0,001	0,001	0,001	0,01 ^(d)	0,01 ^(d)	SMEWW 3114C:2023
29	Aldrin ^(b)	µg/L	KPH	KPH	0,015	0,1 ^(d)	0,1 ^(d)	US EPA Method 3510C US EPA Method 3620C US EPA Method 8270E

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, HCM, VN

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, HCM, VN

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Đại Mỗ, TP. HN, VN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0001-10/25-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 08: 2023/BTNMT (Bảng 2)		Phương pháp phân tích
			MN1	NM2		Mức C	Mức D	
30	Dieldrin ^(b)	µg/L	KPH	KPH	0,015	0,1 ^(d)	0,1 ^(d)	US EPA Method 3510C US EPA Method 3620C US EPA Method 8270E
31	Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane (DDTs) ^(b)	µg/L	KPH	KPH	0,015	1,0 ^(d)	1,0 ^(d)	US EPA Method 3510C US EPA Method 3620C US EPA Method 8270E
32	Heptachlor & Heptachlorepoxid ^(b)	µg/L	KPH	KPH	0,01	0,2 ^(d)	0,2 ^(d)	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C + US EPA Method 8081B
33	Tổng hoạt động phóng xạ α ^(b)	Bq/L	KPH	KPH	0,02	0,1 ^(d)	0,1 ^(d)	TCVN 6053:2011
34	Tổng hoạt động phóng xạ β ^(b)	Bq/L	KPH	KPH	0,3	1,0 ^(d)	1,0 ^(d)	TCVN 6219:2011
35	Hg ^(b)	mg/L	KPH	KPH	0,0003	0,001 ^(d)	0,001 ^(d)	SMEWW 3112B:2023
36	Benzene hexachloride (BHC) ^(b)	mg/L	KPH	KPH	0,006	0,02 ^(d)	0,02 ^(d)	US EPA Method 3510C US EPA Method 3620C US EPA Method 8270E

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

^(a): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty CP An Toàn – Sức Khỏe – Môi Trường Nam Việt, Vimcerts 314)

^(b): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty CP Dịch vụ Sắc ký Sài Gòn – Vimcerts 330)

^(d): QCVN 08:2023/BTNMT- Bảng 1. Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người.

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Mỹ Trang



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, HCM, VN

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, HCM, VN

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Đại Mỗ, TP. HN, VN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0001-10/25-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ DINH CỐ (GPP)
Địa chỉ : Tỉnh lộ 44, Xã Long Điền, Thành phố Hồ Chí Minh
Loại mẫu : Tiếng ồn
Ngày lấy mẫu : 29/09/2025

PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo
1	Tiếng ồn ^(a)	TCVN 7878-2: 2010	35÷130 dBA

KẾT QUẢ ĐO TIẾNG ỒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)
1. Khu vực sản xuất cách hàng rào 100m (khu dân cư phía sau) của Nhà máy xử lý khí Dinh Cố, có tọa độ X: 00441904; Y: 01156556	61,8
Giới hạn tối đa cho phép trong khu vực công cộng và dân cư (QCVN26:2010/BTNMT)	Từ 6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ - 6 giờ: 55
2. Khu vực công nghệ của Nhà máy xử lý khí Dinh Cố, có tọa độ X: 00441756; Y: 01156563	54,2
QCVN 24:2016/BYT	≤ 85

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

^(a): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty CP An Toàn – Sức Khỏe – Môi Trường Nam Việt, Vimcerts 314)

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Mỹ Trang



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, HCM, VN

VP GD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, HCM, VN

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Đại Mỗ, TP. HN, VN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0001-10/25-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VỮNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ DINH CỐ (GPP)
Địa chỉ : Tỉnh lộ 44, Xã Long Điền, Thành phố Hồ Chí Minh
Loại mẫu : Không khí xung quanh
Vị trí quan trắc : KK1 – Ngoài hàng rào gần khu vực Flare – Burn pit
KK2 – Khu vực nhà dân cách nhà máy 100m
KK3 – Khu vực nhà dân cách nhà máy 200m
Ngày lấy mẫu : 29/09/2025

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(a)	TCVN 5067:1995	15,0 µg/m ³
2	CO ^(a)	HD-TN-33*	3.200 µg/m ³
3	SO _x ^(a) - SO ₂	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995
4	NO _x ^(a) - NO ₂	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)
1. Ngoài hàng rào gần khu vực Flare – Burn pit	0,111	KPH	0,028	0,035
2. Khu vực nhà dân cách nhà máy 100m	0,147	KPH	0,026	0,039
3. Khu vực nhà dân cách nhà máy 200m	0,123	KPH	0,023	0,026
Quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05:2023/BTNMT)	0,3	30	0,35	0,2

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

^(a): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty CP An Toàn – Sức Khỏe – Môi Trường Nam Việt, Vimcerts 314)

^(b): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty Cổ phần Dịch vụ Sắc ký Sài Gòn, Vimcerts 330)

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Mỹ Trang



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, HCM, VN

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, HCM, VN

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Đại Mỗ, TP. HN, VN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0001-10/25-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ DINH CỐ (GPP)
Địa chỉ : Tỉnh lộ 44, Xã Long Điền, Thành phố Hồ Chí Minh
Loại mẫu : Không khí xung quanh
Vị trí quan trắc : KK1 – Ngoài hàng rào gần khu vực Flare – Burn pit
KK2 – Khu vực nhà dân cách nhà máy 100m
KK3 – Khu vực nhà dân cách nhà máy 200m
Ngày lấy mẫu : 29/09/2025

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo
1	Hydrocacbon ^(b) <ul style="list-style-type: none">- n-Pentan- n-Hexan- n-heptan- n-octan- n-Nonan- n-Decan- n-Undecan- n-Dodecan- Cyclohexan- Cyclohexene- Metyl cyclohexan	US EPA TO-17	0,5 µg/Nm ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả			QCVN 05:2023/BTNMT
			KK1	KK2	KK3	
1	Hydrocacbon ^(b)	µg/Nm ³	27,84	32,20	36,08	5.000
	• n-Pentan	µg/Nm ³	2,61	3,12	3,63	-
	• n-Hexan	µg/Nm ³	15,38	17,36	18,90	-
	• n-heptan	µg/Nm ³	<1,5	<1,5	1,67	-
	• n-octan	µg/Nm ³	1,70	2,02	2,30	-
	• n-Nonan	µg/Nm ³	KPH	KPH	KPH	-
	• n-Decan	µg/Nm ³	<1,5	<1,5	<1,5	-
	• n-Undecan	µg/Nm ³	<1,5	<1,5	<1,5	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, HCM, VN

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, HCM, VN

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Đại Mỗ, TP. HN, VN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0001-10/25-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả			QCVN 05:2023/BTNMT
			KK1	KK2	KK3	
	• n-Dodecan	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<1,5	<1,5	<1,5	-
	• Cyclohexan	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	1,96	2,35	2,73	-
	• Cyclohexene	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<1,5	<1,5	1,72	-
	• Metyl cyclohexan	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	1,86	2,22	2,58	-

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

^(b): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty Cổ phần Dịch vụ Sắc ký Sài Gòn, Vimcerts 330)

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Mỹ Trang



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Dương